

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147/TTr-BCA

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và căn cứ tình hình thực tế liên quan đến hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh trong thời gian qua, Bộ Công an xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới” và “Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về Chính phủ điện tử, kinh tế số” (khoản 1 Mục II và khoản 1 Mục IV Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 – 2030).

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nêu rõ: “Khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính” (tiết 2.2 mục 2 Phần III Nghị quyết).

2. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV; trong đó, Quốc hội đã đồng ý bổ sung thông tin “nơi sinh” vào hộ chiếu cấp cho công dân Việt Nam và giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ,

ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để triển khai thực hiện; khẩn trương nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc sửa đổi khoản 3 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn”.

- Ngày 15/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030. Theo đó đã xác định công tác cải cách hành chính phải được tiến hành một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 đã nêu nhiệm vụ, giải pháp “tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế”.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; trong đó, một trong những nhiệm vụ, giải pháp kiến tạo thể chế xác định cần rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; trong đó, trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh có thủ tục trình báo mất hộ chiếu phổ thông sẽ được phân cấp giải quyết từ cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh về Công an cấp tỉnh, từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện, từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã. .

3. Căn cứ thực tiễn

Qua nghiên cứu, rà soát, tổng kết thực tiễn thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Công an thấy rằng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế và yêu cầu của tình hình thực tiễn cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Đối với Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam

- Khoản 1 Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam

quy định “Người đề nghị cấp hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung và giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này; xuất trình Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng”. Như vậy, theo quy định trên thì người đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước phải trực tiếp thực hiện đề nghị cấp hộ chiếu tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh; do vậy, để bảo đảm cơ sở pháp lý thực hiện việc cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân ở dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cần bổ sung quy định về hình thức, trình tự và thủ tục thực hiện đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử.

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh nơi thuận lợi, cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi. Như vậy, cũng cần nghiên cứu bổ sung quy định về hình thức, trình tự và thủ tục thực hiện báo mất hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử để bảo đảm cơ sở pháp lý thực hiện.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì người đề nghị khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông trực tiếp nộp tờ khai và hộ chiếu tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi. Để tạo điều kiện thuận lợi công dân trong việc thực hiện đề nghị khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử cần nghiên cứu, bổ sung quy định này vào Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để tạo cơ sở pháp lý thực hiện việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo các Quyết định nêu trên.

- Theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là đơn vị chủ trì ký kết thỏa thuận quốc tế trong việc tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú theo phân công của Chính phủ (Điều 45); Bộ Ngoại giao là đơn vị chủ trì trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú (Điều 46). Như vậy cùng một vấn đề ký kết hợp tác quốc tế về nhận trở lại công dân nhưng có 02 Bộ chủ trì nên cần phải điều chỉnh lại, theo hướng chỉ giao một Bộ chủ trì.

Theo quy định của Luật Cư trú và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cư trú và xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Công tác tiếp nhận công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú là một trong những nội dung của công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Bộ Công an là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện các hiệp định, thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước

ngoài cho cư trú, như: tổ chức xác minh, cấp giấy tờ đi lại, thực hiện tiếp nhận công dân khi nước ngoài trao trả... Do đó, nếu giao cho Bộ Ngoại giao đề xuất đàm phán ký kết, Bộ Công an tổ chức thực hiện sẽ thiếu tính thống nhất và không bám sát được thực tiễn.

Về việc thực hiện công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài, trên thực tế Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chỉ thực hiện công tác bảo hộ trong giai đoạn công dân đang bị tố tụng (bị bắt giữ, xét xử), sau khi đã có quyết định xét xử, trục xuất của cơ quan chức năng nước ngoài thì việc xác minh, tổ chức tiếp nhận công dân Việt Nam bị nước ngoài trục xuất hoàn toàn do các cơ quan chức năng của Bộ Công an thực hiện.

Trên thực tế, gần đây Bộ Công an đã chủ trì đàm phán 03 thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú; kết quả đàm phán đảm bảo đáp ứng yêu cầu chính trị, đối ngoại.

Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng quy định Bộ Công an chủ trì thực hiện đàm phán, ký kết điều ước quốc tế về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú để phù hợp với phạm vi chức năng của Bộ Công an và đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Đồng thời, trước đây theo quy định của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ thì Phó Tùy viên Quốc phòng tại cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài được cấp hộ chiếu ngoại giao, tuy nhiên Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam không quy định trường hợp này thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao đã gây khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại quốc phòng, ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Cơ quan Tùy viên Quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để đảm bảo phù hợp với thực tế công tác của Cơ quan Tùy viên Quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài.

- Thời gian qua, tình trạng công dân đề nghị cấp hộ chiếu khi đến hạn nhận kết quả nhưng không đến nhận hộ chiếu (không đề nghị trả hộ chiếu qua bưu chính công ích) dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác trả hộ chiếu cho công dân, cũng như việc quản lý hộ chiếu đã cấp cho công dân mà không đến nhận (từ 01/7/2020 đến nay đã có 975 trường hợp công dân đã được cấp hộ chiếu nhưng không nhận kết quả). Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định về việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông (Điều 27) đối với các trường hợp đã được cấp hộ chiếu mà không đến nhận kết quả để bảo đảm hiệu quả công tác cấp giấy tờ xuất nhập cảnh nói riêng, công tác quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam nói chung.

- Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam đã quy định các trường hợp được cấp hộ chiếu rút gọn, tuy nhiên chưa bao hàm được nhiều diện đối tượng không có hộ chiếu mà cần về nước ngay, như: người không được phía nước ngoài cho cư trú, nạn nhân mua bán người, ngư dân... Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về việc cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục

rút gọn để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, cũng như phù hợp với thực tiễn.

b) Đối với Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

- Qua thực tiễn thi hành cho thấy Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) đã có những quy định góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài vào Việt Nam du lịch, đầu tư..., trong đó, đặc biệt là việc luật hóa chính sách thị thực điện tử sau thời gian thí điểm. Tuy nhiên, các quy định sửa đổi, bổ sung của Luật năm 2020 có hiệu lực vào thời điểm cả thế giới phải đối mặt với đại dịch Covid-19, Việt Nam đang áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm tăng cường phòng chống dịch, do đó, hiệu quả trong việc đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của các chính sách còn hạn chế.

Từ ngày 15/03/2022, sau khi Chính phủ khôi phục các chính sách xuất nhập cảnh, cho phép mở cửa du lịch, các hoạt động xuất nhập cảnh đã dần trở lại trạng thái bình thường, lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam trong năm 2022 tăng gấp 6,6 lần so với năm 2021 nhưng vẫn còn rất thấp so với thời điểm trước dịch, chỉ bằng 32,6% so với năm 2019. Đến nay, dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát, nhiều nước đã gỡ bỏ các biện pháp phòng chống dịch nhằm phục hồi nền kinh tế, tuy nhiên hậu quả của đại dịch đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động cơ bản trên tất cả các lĩnh vực, nhất là ngành du lịch. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, Hiệp hội thương mại, doanh nghiệp nước ngoài (EuroCham, AmCham Việt Nam); Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF); Hội đồng tư vấn du lịch (TAB) và Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV) có nhiều kiến nghị cần thông thoáng hơn trong chính sách thị thực của Việt Nam nhằm góp phần nâng cao tính cạnh tranh, thu hút khách du lịch quốc tế trong thời gian tới.

Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phục hồi du lịch, kinh tế xã hội; trong đó có nhiệm vụ, giải pháp “tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế”. Lãnh đạo Chính phủ đã có các chỉ đạo quyết liệt nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thu hút hơn nữa người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: “khẩn trương nghiên cứu, đánh giá, đề xuất sửa đổi quy định pháp luật về xuất nhập cảnh, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất để tạo điều kiện thuận lợi hơn về thủ tục, thời gian, số lượt nhập cảnh, số ngày lưu trú tại Việt Nam nhằm thu hút khách du lịch quốc tế” ; “tăng cường giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến quy trình, cải cách thủ tục hành chính liên quan việc cấp thị thực; rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các chính sách về thị thực để tạo thuận lợi cho khách du lịch nhập cảnh” .

Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch, chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài...

vào Việt Nam nhằm góp phần thúc đẩy du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 là cần thiết.

Với việc tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh, dự báo lượng người nước ngoài nhập cảnh sẽ tăng, đặc biệt, số người nhập cảnh bằng thị thực điện tử (không có cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo lãnh) sẽ ngày càng nhiều, đòi hỏi công tác quản lý cư trú của người nước ngoài phải được tăng cường hơn nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng chính sách thông thoáng về nhập xuất cảnh của Việt Nam để hoạt động vi phạm pháp luật. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, cần thiết bổ sung, sửa đổi một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Từ những vấn đề nêu trên, Bộ Công an thấy việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

- Bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện cấp, trình báo mất và khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông qua Cổng dịch vụ công;

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm vừa thu hút người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; vừa đảm bảo giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

- Góp phần đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam trong việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh và người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc mời, đón người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý, đồng bộ, thống nhất và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng

Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:

- Tiếp tục thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật của Nhà nước và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tiếp tục bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam trong việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh và

người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam.

- Xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp với thực tiễn và giải quyết những vấn đề cần điều chỉnh để góp phần thực hiện tốt hơn đường lối đối ngoại, phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam không thay đổi so với quy định của 02 Luật hiện hành:

- Luật này quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Luật này quy định nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam không thay đổi so với quy định của 02 Luật hiện hành.

- Luật này áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan.

- Luật này áp dụng đối với công dân Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài và vào lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

1. Chính sách 1: Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện quy định về việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh trên môi trường điện tử

1.1. Mục tiêu của chính sách:

- Tạo cơ sở pháp lý để thực hiện cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước, trình báo mất và khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam xuất nhập cảnh nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải cách hành chính.

- Tạo cơ sở pháp lý để cải cách hành chính trong việc cấp giấy tờ xuất

nhập cảnh cho công dân Việt Nam; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đối với việc trình báo mất hộ chiếu phổ thông.

1.2. Nội dung chính sách: Quy định về:

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử đối với các thủ tục: đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, báo mất hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử, khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông.

- Đối với thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông: bãi bỏ quy định nộp bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất và bãi bỏ quy định nộp Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam cho phù hợp.

- Phân cấp giải quyết việc trình báo mất hộ chiếu phổ thông từ cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh về Công an cấp tỉnh, từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện, từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách: Sửa đổi, bổ sung Điều 15, Điều 28 và Điều 32 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng bổ sung các nội dung tại **mục 1.2.**

1.4. Lý do lựa chọn giải pháp:

- Hiện nay chưa có quy định về việc công dân được đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, trình báo mất và đề nghị khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử; cũng như trình tự, thủ tục thực hiện việc này.

- Để phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác cải cách hành chính, nhất là việc áp dụng sự tiến bộ của công nghệ thông tin trong công tác giải quyết thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

2. Chính sách 2: Tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc xin thị thực nhập cảnh nước ngoài, cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

2.1. Mục tiêu của chính sách:

- Tạo cơ sở pháp lý để bổ sung thông tin “nơi sinh” vào trang nhân thân của hộ chiếu phổ thông, tạo thuận lợi cho công dân khi làm các thủ tục liên quan đến việc xin thị thực nhập cảnh với phía nước ngoài.

- Tạo cơ sở pháp lý để mở rộng đối tượng được cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, đặc biệt là công tác cấp giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh

của công dân Việt Nam với Luật Điều ước quốc tế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.2. Nội dung chính sách: Quy định về:

- Quy định thông tin trên giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm cả thông tin về “nơi sinh”.

- Quy định về việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông đối với các trường hợp đã được cấp hộ chiếu mà không đến nhận kết quả để bảo đảm hiệu quả công tác cấp giấy tờ xuất nhập cảnh nói riêng, công tác quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam nói chung.

- Quy định Bộ Công an chủ trì đề xuất đàm phán, ký kết các Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế liên quan đến nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú.

- Bổ sung quy định người giữ các chức vụ từ Phó Tùy viên Quốc phòng trở lên tại cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, phái đoàn thường trực Việt Nam tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài thuộc trường hợp được cấp hộ chiếu ngoại giao.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp, trình tự, thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn theo hướng mở rộng đối tượng được cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn, quy định về thủ tục cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn trong một số trường hợp đặc biệt cấp bách.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách: Sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 8, Điều 27, Điều 17, Điều 18, Điều 45 và Điều 46 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng bổ sung các nội dung tại **mục 2.2.**

2.4. Lý do lựa chọn giải pháp:

- Để phù hợp với Nghị quyết số 76/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV về bổ sung thông tin “nơi sinh” vào hộ chiếu, tạo dư luận tốt trong xã hội.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp hộ chiếu cho các trường hợp công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú để nhập cảnh Việt Nam.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, đặc biệt là trong công tác cấp, quản lý giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nhất là giữa Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam với Luật Điều ước quốc tế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại quốc phòng của Cơ quan Tùy viên Quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài.

3. Chính sách 3: Tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa cho người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong tình hình hiện nay.

3.1. Mục tiêu của chính sách:

Tăng công dân các nước, vùng lãnh thổ được cấp thị thực điện tử, tăng giá trị, thời hạn của thị thực điện tử; tăng thời hạn lưu trú đối với người nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực... nhằm góp phần thu hút người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, nhất là người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam để du lịch, khảo sát thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư..., đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội...

3.2. Nội dung của chính sách:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thị thực điện tử theo hướng:
- + Sửa đổi quy định về giá trị, thời hạn của thị thực điện tử.
- + Sửa đổi quy định về điều kiện cấp thị thực điện tử.
- Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về việc cấp chứng nhận tạm trú đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách: Sửa đổi, bổ sung một quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9 theo hướng: Thị thực điện tử có giá trị một lần hoặc nhiều lần; có thời hạn không quá 90 ngày.
- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 19a (Các nước có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử) theo hướng: Chính phủ quyết định danh sách các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 31 theo hướng: Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 45 ngày và được xem xét giải quyết cấp thị thực, gia hạn tạm trú theo quy định của Luật này.

3.4. Lý do lựa chọn giải pháp:

- Qua thời gian thực hiện thí điểm và triển khai chính thức chính sách thị thực điện tử cho thấy thị thực điện tử với thủ tục hành chính công ở mức độ cao nhất, có tính cạnh tranh vượt trội so với chính sách thị thực của các nước trong khu vực và thế giới về sự thuận tiện, thông thoáng, công khai và minh bạch.

Việc tiếp tục nghiên cứu mở rộng chính sách thị thực điện tử cả về đối tượng áp dụng và giá trị, thời hạn sẽ phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, góp phần thu hút ngày càng nhiều người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam du lịch, tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành du lịch nói riêng.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, Hiệp hội thương mại, doanh nghiệp nước ngoài; Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF); Hội đồng tư vấn du lịch (TAB) và Ban Nghiên

cứu phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV) đã nhiều lần kiến nghị nâng thời hạn miễn thị thực từ 15 lên 30 ngày để tương đồng với thời gian miễn thị thực của các nước, nâng cao tính cạnh tranh nhằm thu hút khách du lịch.

- Luật hiện hành chỉ quy định các trường hợp thị thực được chuyển đổi mục đích, chưa nêu rõ trường hợp nhập cảnh miễn thị thực đơn phương có được tiếp tục ở lại sau khi hết hạn tạm trú.

4. Chính sách 4: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

4.1. Mục tiêu của chính sách:

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; nhất là công tác quản lý cư trú của người nước ngoài nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng chính sách thông thoáng về nhập xuất cảnh của Việt Nam để hoạt động vi phạm pháp luật.

4.2. Nội dung của chính sách:

- Điều chỉnh quy định về khai báo tạm trú và bổ sung trách nhiệm của người nước ngoài đối với việc khai báo tạm trú nhằm gắn trách nhiệm của người nước ngoài và cơ sở lưu trú trong việc chấp hành quy định về khai báo tạm trú.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (bên cạnh cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo lãnh) có liên quan hoạt động của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách: Sửa đổi, bổ sung một quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể:

- Điều chỉnh quy định về khai báo tạm trú và bổ sung trách nhiệm của người nước ngoài theo hướng:

+ Đối với việc khai báo tạm trú tại Điều 33 (Khai báo tạm trú), bổ sung thêm 02 nội dung: Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý người nước ngoài tạm trú. Khi người nước ngoài có sự thay đổi thông tin trong hộ chiếu phải thực hiện lại việc khai báo tạm trú theo quy định.

+ Quyền, nghĩa vụ của người nước ngoài tại Điều 44, bổ sung một điểm vào Khoản 2 (Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây) nội dung: Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam có các nghĩa vụ xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định.”

- Bổ sung một khoản quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan hoạt động của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam tại Điều 45, cụ thể: Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, trường hợp phát hiện dấu

hiệu vi phạm phải thông báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất.

4.4. Lý do lựa chọn giải pháp:

- Việc bổ sung trách nhiệm của người nước ngoài và cơ sở lưu trú trong việc khai báo tạm trú góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

- Trước xu thế người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam không do cơ quan, tổ chức, cá nhân mời bảo lãnh (bằng thị thực điện tử, thẻ doanh nhân APEC, theo diện miễn thị thực đơn phương, song phương...) ngày càng tăng, cần thiết phải bổ sung quy định về trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan hoạt động của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Về thẩm quyền chủ trì đề xuất đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế về tiếp nhận trở lại công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú, Bộ Công an đề xuất hai phương án:

Phương án 1: Bộ Công an chủ trì, phối hợp Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng đề xuất đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế về tiếp nhận trở lại công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú.

Phương án 2: Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đề xuất đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế về tiếp nhận trở lại công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú.

Bộ Công an đề nghị thực hiện theo Phương án 1 như tại nội dung chính sách 2 dự thảo Tờ trình đề đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW và chức năng nhiệm vụ của Bộ Công an như đã đánh giá tại điểm c mục 3 phần I Tờ trình này.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Để bảo đảm triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam cần bảo đảm các nguồn lực sau đây:

1. Nguồn lực về tài chính

- Kinh phí để xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng điện tử; trang bị máy tính, bảo mật, chữ ký số cho các đơn vị, cá nhân có chức năng giải quyết thủ tục hành chính gần 200 tỷ đồng; tuy nhiên, hiện nay để triển khai thực hiện quyết định số 10695/QĐ-BCA ngày 25/15/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an năm 2022 (được thay thế bởi Quyết định số 430/QĐ-BCA ngày 26/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an), Bộ Công an đã đang triển khai thực hiện dự án này nên về bản chất sẽ không phát sinh chi phí này

đối với ngân sách nhà nước.

- Kinh phí ban hành, in ấn, cấp phát biểu mẫu, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác thi hành Luật.

- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Luật sau khi được Quốc hội thông qua (tổ chức tuyên truyền phổ biến cho các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân, Công an 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan) ước tính khoảng 02 tỷ đồng được lấy từ nguồn 20% phí xuất nhập cảnh được trích lại.

2. Để bảo đảm triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Quốc hội thông qua, về cơ bản, vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện hành, không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

VII. QUÁ TRÌNH LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG

Để phục vụ cho việc lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Công an đã thực hiện các công việc như sau:

1. Lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải dự thảo hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến của quần chúng nhân dân.

2. Tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu chỉnh lý dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật.

4. Ngày 23/3/2023 Bộ Tư pháp có Báo cáo số 32/BCTĐ-BTP về thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Việc thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức thẩm định vào sáng ngày 27/3/2023; tuy nhiên, các chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật này đã được Thường trực Chính phủ xem xét, cho ý kiến và kết luận tại cuộc họp sáng ngày 24/3/2023, Ban soạn thảo đã tiếp thu đầy đủ ý kiến của Thường trực Chính phủ.

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA

Thời gian dự kiến trình Quốc hội khóa XV bổ sung đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5 năm 2023) và xem xét, cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10 năm 2023) theo quy trình một kỳ họp.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (thay thế Tờ trình số 139/TTr-BCA ngày 23/3/2023), Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Đề cương chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật (3) Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, (4) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và bản chụp các ý kiến tham gia, (5) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng luật của Bộ Tư pháp, (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Công an)./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLXNC(P5). NL(50b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Aluan

Thượng tướng Lương Tam Quang



QUỐC HỘI

Luật số:

/2023/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA
CÔNG DÂN VIỆT NAM VÀ LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH,
QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Thông tin trên giấy tờ xuất nhập cảnh gồm: ảnh chân dung; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; *noi sinh*; quốc tịch; ký hiệu, số giấy tờ xuất nhập cảnh; ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; ngày, tháng, năm hết hạn; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; chức vụ, chức danh đối với hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ phù hợp với yêu cầu đối ngoại.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 như sau:

“11. Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ từ Tùy viên, *Phó Tùy viên Quốc phòng* trở lên tại cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước bao gồm:

a) Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất còn giá trị sử dụng đối với người đã được cấp hộ chiếu; trường hợp hộ chiếu còn giá trị sử dụng bị mất phải kèm đơn báo mất hoặc thông báo về việc đã tiếp nhận đơn của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 28 của Luật này;

b) Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.”.

b) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. Người đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hoặc nộp hồ sơ trên môi trường điện tử”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Người đề nghị cấp hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung, giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 1a Điều này và xuất trình hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Trường hợp không có hộ chiếu Việt Nam, giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp thì xuất trình giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ làm căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch.”.

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài gồm:

a) Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;

b) Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất đối với người đã được cấp hộ chiếu; trường hợp hộ chiếu bị mất phải kèm đơn báo mất hoặc thông báo về việc đã tiếp nhận đơn của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 28 của Luật này;

c) Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất;

d) Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“Người không được phía nước ngoài cho cư trú nhưng không thuộc đối tượng điều chỉnh của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Cấp hộ chiếu cho người không được phía nước ngoài cho cư trú nhưng không thuộc đối tượng điều chỉnh của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân được quy định như sau:

a. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận đề nghị từ cơ quan có thẩm quyền nước sở tại hoặc từ người không được nước ngoài cho cư trú, hồ sơ kèm 02 ảnh chân dung của người không được nước ngoài cho cư trú.

b. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại hoặc của người không được nước ngoài cho cư trú, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi thông tin của người cần được cấp hộ chiếu theo mẫu về cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an

c. Đối với trường hợp vì lý do nhân đạo, khẩn cấp, nếu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có đủ cơ sở xác định nhân thân, quốc tịch của người đề nghị cấp hộ chiếu, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có thể xem xét cấp hộ chiếu và phải thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để phối hợp tiếp nhận, quản lý công dân khi về nước.

d. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp hộ chiếu phổ thông có thời hạn theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 như sau:

“1. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu còn thời hạn bị mất hoặc đối với trường hợp đã quá 12 tháng kể từ ngày hẹn nhận kết quả đề nghị cấp hộ chiếu mà không đến nhận hộ chiếu.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông được quy định như sau:

a) Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thuận lợi hoặc Công an cấp huyện, cấp xã nơi gần nhất hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, thời hạn nộp hoặc gửi đơn báo mất có thể dài hơn nhưng trong đơn phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn báo mất hộ chiếu phổ thông, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thông báo theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an và người gửi đơn. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thực hiện hủy giá trị sử dụng hộ chiếu.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:

“2. Người đề nghị khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu điền đầy đủ thông tin vào tờ khai theo mẫu kèm theo hộ chiếu và nộp trực tiếp tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh hoặc trên môi trường điện tử.”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 41 như sau:

“b) Nơi sinh; ngày, tháng, năm sinh;”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 45 như sau:

“10. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao đề xuất cấp có thẩm quyền việc đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 46 như sau:

“7. Phối hợp với Bộ Công an đề xuất cấp có thẩm quyền việc đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Thị thực có giá trị một lần hoặc nhiều lần; thị thực cấp cho trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có giá trị một lần.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Thị thực ký hiệu SQ có thời hạn không quá 30 ngày.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thị thực ký hiệu HN, DL, EV có thời hạn không quá 03 tháng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19a như sau:

“Điều 19a. Các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử

Chính phủ quyết định danh sách các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử trên cơ sở không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:

“c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 45 ngày và được xem xét giải quyết cấp thị thực, gia hạn tạm trú theo quy định của Luật này;”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Khai báo tạm trú

1. Người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú để khai báo tạm trú với Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú. Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý người nước ngoài tạm trú.

2. Cơ sở lưu trú du lịch là khách sạn thực hiện việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Trang thông tin điện tử. Cơ sở lưu trú khác khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Trang thông tin điện tử hoặc Phiếu khai báo tạm trú.

Trường hợp khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Phiếu khai báo tạm trú, người khai báo tạm trú ghi thông tin vào Phiếu khai báo tạm trú và chuyển đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú trong thời hạn 12 giờ, đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa trong thời hạn là 24 giờ kể từ khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú.

3. Người nước ngoài thay đổi nơi tạm trú hoặc tạm trú ngoài địa chỉ ghi trong thẻ thường trú hoặc khi có sự thay đổi thông tin trong hộ chiếu phải khai báo tạm trú theo quy định tại khoản 1 Điều này.”.

6. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 2 Điều 44 như sau:

“đ) Xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định.”.

7. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 45 như sau:

“3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm phải thông báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất.”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm....

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ... , kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI